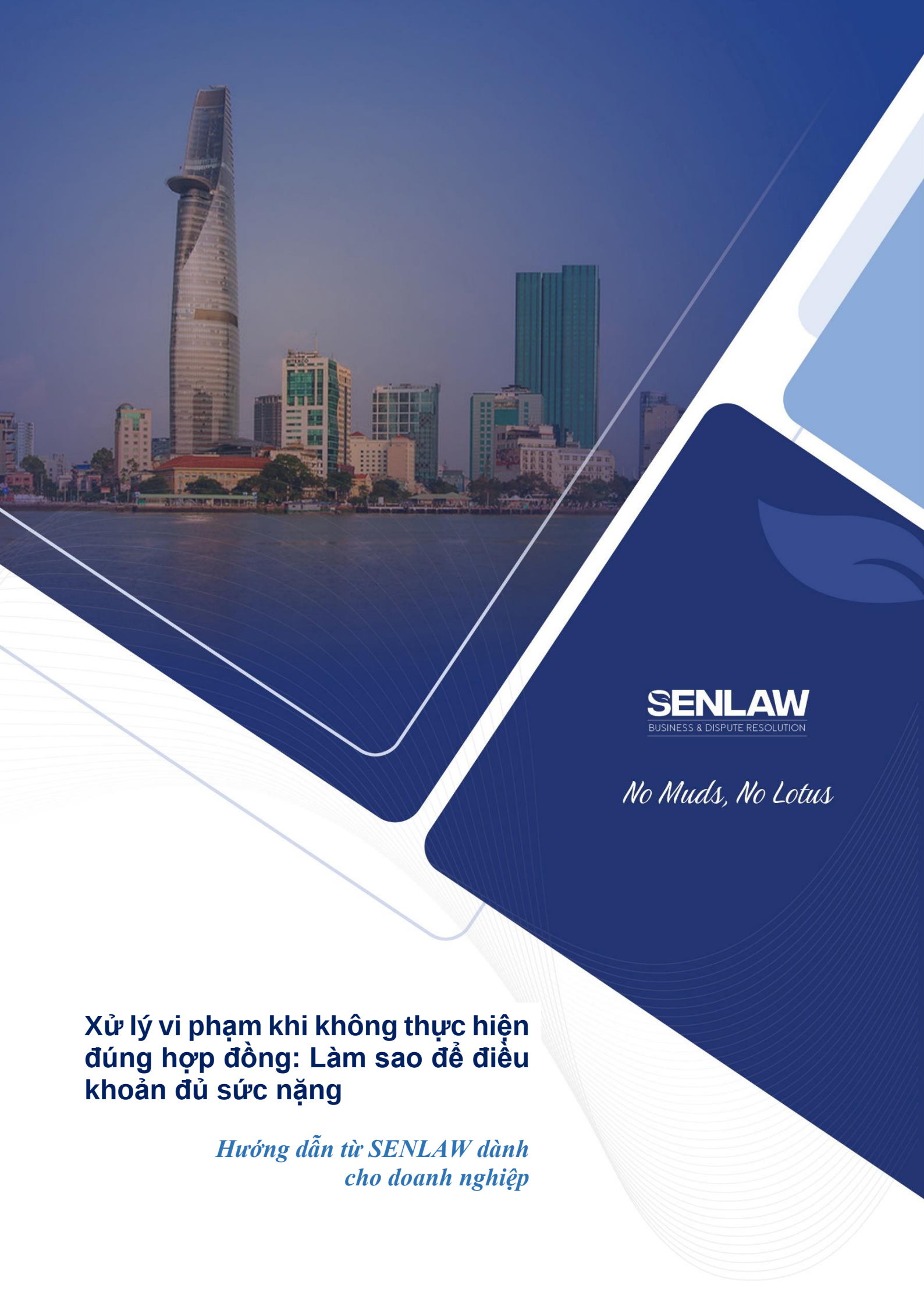




SENLAW
BUSINESS & DISPUTE RESOLUTION

No Muds, No Lotus

**Xử lý vi phạm khi không thực hiện
đúng hợp đồng: Làm sao để điều
khoản đủ sức nặng**

*Hướng dẫn từ SENLAW dành
cho doanh nghiệp*

Xử lý vi phạm khi không thực hiện đúng hợp đồng: Làm sao để điều khoản đủ sức nặng

Hướng dẫn từ SENLAW dành cho doanh nghiệp



Nguyễn Phương Liên
Thạc sĩ, Luật sư



Nguyễn Hoàng Như Hân
Trợ lý Luật sư

Trang | 1

Trong bức tranh toàn cảnh của hoạt động kinh doanh thương mại, hợp đồng không chỉ là một văn bản pháp lý, mà còn là nền tảng cốt lõi định hình mối quan hệ giữa các bên trong quá trình hợp tác. Đây là công cụ ghi nhận rõ ràng các cam kết, quyền và nghĩa vụ – từ đó tạo ra cơ chế vận hành ổn định, minh bạch và bảo đảm lợi ích giữa các bên. Tuy nhiên, thực tiễn thương mại cho thấy không ít doanh nghiệp phải đối mặt với những rủi ro đáng kể khi một bên không tuân thủ đúng các cam kết trong hợp đồng, kéo theo hệ lụy nghiêm trọng đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp.

Để chủ động kiểm soát và giảm thiểu các tổn thất từ hành vi vi phạm, nhiều doanh nghiệp đã chú trọng xây dựng các điều khoản xử lý vi phạm hợp đồng – như chế tài phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, hoặc quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tuy vậy, không phải mọi điều khoản đều đủ chặt chẽ, rõ ràng hoặc đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp lý để có thể được công nhận và áp dụng hiệu quả khi phát sinh tranh chấp.

Trong bối cảnh đó, câu hỏi đặt ra là: nếu các bên chưa có thỏa thuận cụ thể, pháp luật hiện hành có cơ chế nào để bảo vệ quyền lợi bị xâm phạm? Và nếu đã có điều khoản, làm sao để đảm bảo chúng thực sự có giá trị ràng buộc và có thể được áp dụng hiệu quả khi cần thiết?

Bài viết dưới đây – được biên soạn bởi SENLAW – sẽ cung cấp cho doanh nghiệp cái nhìn tổng quan cùng một số lưu ý thực tiễn trong việc xây dựng và áp dụng các điều khoản xử lý vi phạm hợp đồng.

Lưu ý: Bài viết này cung cấp thông tin mang tính tham khảo chung và không nhằm mục đích thay thế cho tư vấn pháp lý chuyên sâu, được cá nhân hóa cho từng trường hợp cụ thể.

1. Thế nào là “không thực hiện đúng hợp đồng”?

Trong mọi quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại, các bên phải tuân thủ đúng và đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết, đó là nguyên tắc được pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo vệ. Các bên trong quan hệ hợp đồng phải thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực, thiện chí, đúng thời hạn, đúng đối tượng, đúng phương thức đã thỏa thuận.

Nói cách khác, thực hiện đúng hợp đồng là việc bên có nghĩa vụ phải đáp ứng đầy đủ và chính xác các nội dung đã được ghi nhận trong hợp đồng, như là: đối tượng, số lượng, chất lượng, thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện nghĩa vụ, và cả các nghĩa vụ phát sinh khác theo luật định – với thái độ trung thực và hợp tác. Điều này nhằm bảo đảm sự ổn định và tin cậy trong hoạt động giao dịch.

Tuy nhiên, trong thực tiễn kinh doanh, không phải mọi cam kết đều được thực hiện một cách hoàn chỉnh. Trên thực tế, nhiều trường hợp bên có nghĩa vụ đã không thực hiện hoặc thực



hiện không đúng như đã thỏa thuận, dẫn đến việc vi phạm hợp đồng – hay nói cách khác là “không thực hiện đúng hợp đồng”.

Hành vi “không thực hiện đúng hợp đồng” được hiểu là mọi hành vi không tuân thủ các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, dù là hoàn toàn không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ, không đúng thời hạn, không đúng cách thức, hoặc trái với các điều kiện đã được xác lập.

Trang | 2

Một số biểu hiện phổ biến của việc không thực hiện đúng hợp đồng có thể được liệt kê như sau:

1

Chậm thực hiện hợp đồng

so với thời hạn đã được các bên xác lập

2

Thanh toán không đúng

Không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, không đúng thời điểm theo quy định

3

Thực hiện không đúng nội dung

Ví dụ sai lệch về số lượng, chất lượng hoặc địa điểm thực hiện nghĩa vụ

4

Vi phạm các điều khoản

như: cam kết bảo mật, bảo hành, cam kết độc quyền, nghĩa vụ không cạnh tranh, v.v.

5

Tự ý ngừng thực hiện hợp đồng

mà không có căn cứ pháp lý hoặc sự đồng thuận từ bên còn lại.

Trong những trường hợp như vậy, bên bị vi phạm có thể làm gì? Nếu trong hợp đồng không có thỏa thuận cụ thể về biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng hoặc điều khoản về chế tài khi vi phạm hợp đồng, liệu các bên có thể áp dụng được bất kỳ biện pháp nào không?

Câu hỏi đó sẽ được tiếp tục phân tích ở phần tiếp theo của bài viết.

2. Các biện pháp xử lý việc thực hiện không đúng hợp đồng – biện pháp nào cần thỏa thuận trước mới có thể áp dụng?

2.1. Các biện pháp xử lý việc thực hiện không đúng hợp đồng cụ thể:

Về mặt pháp lý, các biện pháp xử lý đối với hành vi không thực hiện đúng hợp đồng được quy định chủ yếu tại Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005. Trong đó, Bộ luật Dân sự sử dụng thuật ngữ “trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ” (Điều 351 và các điều tiếp theo), trong khi Luật Thương mại gọi là “chế tài” áp dụng khi một bên vi phạm hợp đồng (Điều 292). Một số biện pháp phổ biến có thể kể đến như:

- **Buộc thực hiện đúng hợp đồng:** là biện pháp yêu cầu bên vi phạm phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng, bảo đảm cho bên bị vi phạm nhận được đúng lợi ích mà họ kỳ vọng khi ký kết hợp đồng.
- **Phạt vi phạm:** là việc các bên thỏa thuận trong hợp đồng về việc bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.
- **Bồi thường thiệt hại:** là việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm
- **Yêu cầu giảm giá:** Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm giảm giá trị thanh toán tương ứng với phần nghĩa vụ không được thực hiện đầy đủ hoặc không đúng theo thỏa thuận hợp đồng.
- **Lãi chậm trả:** là khoản tiền bên vi phạm phải trả thêm do chậm thanh toán theo hợp đồng. Khoản này được tính trên phần tiền và thời gian chậm trả. Các bên có thể thỏa thuận mức lãi; nếu không, lãi suất sẽ được xác định theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.
- **Hoãn thực hiện hợp đồng:** là quyền của một bên trong hợp đồng được tạm thời ngừng thực hiện nghĩa vụ của mình khi có căn cứ hợp lý, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp trước rủi ro từ phía bên còn lại. Cụ thể, bên phải thực hiện nghĩa vụ trước có quyền hoãn nếu khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia bị giảm sút nghiêm trọng; ngược lại, bên thực hiện sau có thể hoãn nếu bên còn lại không thực hiện đúng hạn phần nghĩa vụ của mình. Việc hoãn này chỉ mang tính tạm thời và sẽ chấm dứt khi bên kia khôi phục khả năng hoặc hoàn thành nghĩa vụ như đã cam kết.
- **Đơn phương chấm dứt/ đình chỉ thực hiện hợp đồng:** là việc một bên chủ động chấm dứt việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khi có căn cứ hợp pháp, như hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng hoặc vi phạm được các bên thỏa thuận là điều kiện để chấm dứt/ đình chỉ. Hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo, các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, trừ các nghĩa vụ về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và giải quyết tranh chấp.
- **Hủy bỏ Hợp đồng:** là việc chấm dứt hiệu lực pháp lý của hợp đồng đã được giao kết hợp pháp, được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật, khi một bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng hoặc khi mục đích của hợp đồng không thể đạt được. Hệ quả của việc hủy bỏ là hợp đồng không còn hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, trừ các thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và giải quyết tranh chấp vẫn có hiệu lực. Đồng thời, các bên có nghĩa vụ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi hợp đồng bị hủy bỏ.
- **Cầm giữ tài sản:** là việc bên có quyền (sau đây gọi là bên cầm giữ) đang nắm giữ hợp pháp tài sản là đối tượng của hợp đồng song vụ được chiếm giữ tài sản trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

2.2. Phân loại các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng:

Trong thực tiễn hợp đồng, việc phân loại các biện pháp xử lý vi phạm cần được tiếp cận từ hai góc độ: căn cứ pháp lý và hệ quả áp dụng, mỗi góc độ mang lại những lựa chọn khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh và mục tiêu của doanh nghiệp.



Thứ nhất, xét tiêu chí căn cứ áp dụng: Biện pháp xử lý việc thực hiện không đúng hợp đồng có thể được xác lập theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng.

- **Theo thỏa thuận:** Là những biện pháp chỉ được áp dụng khi các bên đã có sự thống nhất và ghi nhận trong hợp đồng. Ví dụ như: phạt vi phạm, thỏa thuận về lãi chậm thanh toán...
- **Theo quy định pháp luật:** Là các biện pháp mà bên bị vi phạm hoặc chịu hậu quả bất lợi do hành vi không thực hiện đúng hợp đồng của bên còn lại có thể áp dụng nếu đáp ứng được các điều kiện do luật định, mà không cần có sự thỏa thuận trước trong hợp đồng. Ví dụ như: Buộc thực hiện hợp đồng, bồi thường thiệt hại...

Điểm khác biệt lớn nhất giữa hai nhóm này nằm ở tính chủ động và khả năng dự đoán trước hậu quả. Các điều khoản do các bên tự thỏa thuận thường rõ ràng, cụ thể và có tính răn đe cao hơn, trong khi các biện pháp theo luật định tuy là "lưới an toàn" và cũng đòi hỏi nhiều thời gian, công sức để chứng minh.

Như vậy, doanh nghiệp hoàn toàn có thể chủ động thỏa thuận trước về các biện pháp xử lý vi phạm trong hợp đồng. Việc thỏa thuận này không chỉ giúp đảm bảo tính minh bạch mà còn cho phép các bên lựa chọn giải pháp phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của quan hệ hợp đồng. Đồng thời, trong trường hợp không có thỏa thuận, doanh nghiệp vẫn có thể căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành để áp dụng các biện pháp xử lý một cách hợp lý. Việc kết hợp linh hoạt cả hai cơ sở này sẽ giúp tăng cường hiệu lực thực thi hợp đồng và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của các bên.

Thứ hai, xét tiêu chí hệ quả pháp lý: các biện pháp xử lý vi phạm có thể chia thành hai nhóm chính: nhóm mang tính khắc phục và nhóm mang tính triệt tiêu.

- **Nhóm biện pháp mang tính khắc phục:** nhằm buộc bên vi phạm sửa chữa hành vi của mình và tạo điều kiện để hợp đồng tiếp tục được thực hiện. Bao gồm: buộc thực hiện đúng hợp đồng, sửa chữa, khắc phục hậu quả, gia hạn thời gian thực hiện...
- **Nhóm biện pháp mang tính triệt tiêu:** nhằm chấm dứt, đình chỉ hoặc ngăn cản việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Bao gồm: đơn phương chấm dứt hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng...

Nhóm khắc phục tập trung vào việc sửa chữa hậu quả và duy trì quan hệ hợp đồng, thường áp dụng khi các bên còn thiện chí hợp tác và vi phạm chưa nghiêm trọng. Ngược lại, nhóm triệt tiêu hướng đến chấm dứt hợp đồng khi vi phạm ở mức độ nặng, đe dọa đến mục đích chính của thỏa thuận. Sự lựa chọn giữa hai nhóm này không chỉ phụ thuộc vào mức độ vi phạm mà còn phản ánh chiến lược của doanh nghiệp – cân nhắc giữa việc duy trì quan hệ đối tác hay cắt lỗ để bảo vệ lợi ích lâu dài.

Như vậy, việc áp dụng biện pháp nào cần xuất phát từ đánh giá toàn diện về tính chất vi phạm, thiện chí của đối tác và lợi ích thực tế của doanh nghiệp. Một hợp đồng được soạn thảo tốt phải lường trước được các tình huống vi phạm, kết hợp hài hòa giữa biện pháp thỏa thuận và quy định pháp luật, đồng thời có cơ chế linh hoạt để chuyển đổi giữa khắc phục và triệt tiêu khi cần thiết. Đây chính là chìa khóa để biến các điều khoản xử lý vi phạm từ văn bản thành công cụ bảo vệ chủ động cho doanh nghiệp.

3. Một số lưu ý về các vấn đề thường gặp khi áp dụng biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng

3.1. Có được phép áp dụng đồng thời phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại?

Một trong những vấn đề thường gặp khi áp dụng biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng là liệu bên bị vi phạm có thể đồng thời yêu cầu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại hay không. Về nguyên tắc, đây là hai chế tài độc lập, được pháp luật điều chỉnh khác nhau về mục đích, điều kiện áp dụng và hệ quả pháp lý.

Phạt vi phạm là chế tài có tính răn đe và trừng phạt, chỉ phát sinh khi có thỏa thuận rõ ràng của các bên trong hợp đồng. Theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại 2005 và khoản 1 Điều 418 Bộ luật Dân sự 2015, bên vi phạm chỉ phải chịu phạt nếu các bên đã có thỏa thuận trước đó.

Bồi thường thiệt hại, ngược lại, là chế tài mang tính khắc phục hậu quả, nhằm bù đắp tổn thất thực tế do hành vi vi phạm gây ra. Chế tài này không phụ thuộc vào thỏa thuận, mà sẽ phát sinh khi hội đủ các điều kiện: (i) có hành vi vi phạm, (ii) có thiệt hại thực tế, và (iii) có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại. Theo Điều 302 Luật Thương mại 2005 bên bị vi phạm có thể yêu cầu bồi thường ngay cả khi hợp đồng không quy định cụ thể về nội dung này. Theo Điều 307 về quan hệ giữa chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại: trường hợp các bên không có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm chỉ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 418 Bộ luật Dân sự 2015, nếu các bên muốn áp dụng đồng thời cả hai chế tài, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, thì phải có thỏa thuận rõ ràng về việc áp dụng cả hai. Trong trường hợp hợp đồng chỉ quy định phạt vi phạm mà không đề cập đến việc bồi thường thiệt hại, thì chỉ được áp dụng chế tài phạt vi phạm; bên bị vi phạm không thể yêu cầu thêm bồi thường, dù có thiệt hại thực tế.

Điểm này tạo sự khác biệt quan trọng giữa pháp luật dân sự và pháp luật thương mại. Trong khi Luật Thương mại cho phép áp dụng đồng thời cả hai chế tài nếu có thỏa thuận về phạt vi phạm, thì Bộ luật Dân sự lại ràng buộc chặt hơn, yêu cầu phải thỏa thuận cụ thể về khả năng áp dụng đồng thời, nếu không muốn rơi vào tình huống chỉ được áp dụng một trong hai.

Do đó, để bảo vệ đầy đủ quyền lợi và tránh rủi ro khi xảy ra tranh chấp, doanh nghiệp nên quy định rõ trong hợp đồng về việc áp dụng đồng thời cả hai chế tài nêu trên với mức phạt cụ thể và điều kiện rõ ràng, đồng thời dự liệu các tình huống phát sinh thiệt hại thực tế, nhằm nâng cao tính ràng buộc và hiệu lực của điều khoản xử lý vi phạm.

3.2. Về giới hạn mức phạt vi phạm – không phải lúc nào cũng được tự do thỏa thuận

Pháp luật Việt Nam ghi nhận nguyên tắc tự do thỏa thuận giữa các bên trong việc xác lập mức phạt vi phạm hợp đồng, như một công cụ để nâng cao ý thức tuân thủ và ràng buộc trách nhiệm trong thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, quyền này không phải là tuyệt đối, mà bị giới hạn bởi các quy định bắt buộc của pháp luật, tùy thuộc vào loại hợp đồng và văn bản điều chỉnh.

Cụ thể, đối với hợp đồng thương mại, theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại 2005, mức phạt vi phạm không được vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Đây là giới hạn cứng, có tính bắt buộc áp dụng đối với tất cả các loại vi phạm trong quan hệ thương mại (trừ trường hợp có quy định riêng).

Trong trường hợp các bên thỏa thuận mức phạt vượt quá giới hạn 8%, Tòa án hoặc Trọng tài thường chỉ công nhận phần mức phạt trong giới hạn hợp pháp, phần vượt quá sẽ không có hiệu lực. Tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng điều khoản này sẽ bị vô hiệu hoàn toàn, dẫn đến việc bên bị vi phạm không có căn cứ để yêu cầu phạt vi phạm.

Tuy nhiên, giới hạn 8% không áp dụng trong mọi trường hợp. Cụ thể, đối với hợp đồng dịch vụ giám định (theo Điều 266 Luật Thương mại 2005), hợp đồng xây dựng (theo Luật Xây dựng), hoặc đối với các hợp đồng được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự, thì mức phạt vi phạm có thể không bị giới hạn bởi mức 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Chính vì vậy, để tránh rủi ro bị vô hiệu một phần hoặc toàn bộ điều khoản phạt vi phạm, doanh nghiệp cần:

Trang | 6

- Xác định rõ loại hợp đồng và văn bản pháp luật điều chỉnh, từ đó đánh giá giới hạn mức phạt áp dụng;
- Soạn thảo điều khoản phạt với mức hợp lý và trong giới hạn pháp luật, đặc biệt khi hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại;
- Không lạm dụng mức phạt quá cao để gây áp lực thương mại, bởi điều đó có thể phản tác dụng nếu điều khoản bị tuyên vô hiệu hoàn toàn.

Với cách tiếp cận cẩn trọng và phù hợp, điều khoản phạt vi phạm sẽ phát huy hiệu quả, bảo vệ lợi ích doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo khả năng được công nhận khi tranh chấp phát sinh.

3.3. Trường hợp bất khả kháng và lỗi của bên bị vi phạm

Không phải mọi hành vi vi phạm hợp đồng đều có thể bị áp dụng biện pháp xử lý/chế tài vi phạm. Có những tình huống đặc biệt mà bên vi phạm có thể được miễn trừ nghĩa vụ hoặc không bị áp dụng chế tài, nếu hành vi vi phạm phát sinh từ những nguyên nhân nằm ngoài khả năng kiểm soát và không thể khắc phục được.

Pháp luật Việt Nam thừa nhận một số trường hợp ngoại lệ, theo đó bên vi phạm có thể được miễn trừ trách nhiệm nếu đáp ứng những điều kiện nhất định. Ba trường hợp phổ biến nhất bao gồm:

➤ **Sự kiện bất khả kháng:**

Đây là những tình huống xảy ra ngoài ý chí của các bên, có tính chất khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả thi. Những sự kiện như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, thay đổi chính sách pháp luật hoặc quyết định từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể được coi là bất khả kháng, tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể.

Khi có căn cứ xác đáng về bất khả kháng, bên vi phạm có thể được miễn nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, việc viện dẫn bất khả kháng cần được đánh giá nghiêm ngặt theo điều kiện thực tế và không thể tùy tiện sử dụng.

Do đó, doanh nghiệp nên chủ động xác lập điều khoản bất khả kháng rõ ràng ngay trong hợp đồng.

➤ **Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền**

Một số hành vi vi phạm có thể bắt nguồn từ yêu cầu, lệnh cấm hoặc biện pháp hành chính bắt buộc của cơ quan nhà nước, khiến việc thực hiện hợp đồng trở nên không thể thực hiện hoặc trái pháp luật. Trong những trường hợp như vậy, bên vi phạm không bị xem là có lỗi và

có thể được miễn trách nhiệm pháp lý, với điều kiện phải chứng minh mối liên hệ giữa quyết định của cơ quan nhà nước và hành vi không thực hiện đúng hợp đồng.

➤ **Lỗi từ phía bên bị thiệt hại**

Tuy nhiên, nếu bên bị thiệt hại cũng có một phần lỗi – chẳng hạn như chậm cung cấp thông tin, không hợp tác đúng hạn, gây trở ngại cho việc thực hiện nghĩa vụ – thì mức bồi thường có thể bị giảm trừ hoặc bác bỏ hoàn toàn, tùy theo mức độ lỗi và hậu quả thực tế.

Trang | 7

4. Một số khuyến nghị về soạn thảo điều khoản:

- **Chủ động xây dựng điều khoản xử lý vi phạm ngay từ khi ký kết hợp đồng:** Doanh nghiệp nên thỏa thuận cụ thể các biện pháp xử lý (như phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, chấm dứt hợp đồng...) để làm căn cứ pháp lý rõ ràng nếu có tranh chấp xảy ra.
- **Xác định rõ căn cứ pháp lý áp dụng:** Cần phân biệt biện pháp xử lý nào bắt buộc phải có thỏa thuận (ví dụ: phạt vi phạm), và biện pháp nào được áp dụng mặc định theo pháp luật (ví dụ: bồi thường thiệt hại khi có thiệt hại thực tế và lỗi từ phía bên vi phạm).
- **Tuân thủ giới hạn pháp luật về mức phạt vi phạm:** Đối với hợp đồng thương mại, mức phạt không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, trừ một số trường hợp đặc biệt như hợp đồng dịch vụ giám định, hợp đồng xây dựng, hay các hợp đồng dân sự.
- **Tránh rủi ro vô hiệu do vượt trần phạt vi phạm:** Doanh nghiệp nên thận trọng khi xác lập mức phạt vi phạm. Việc quy định vượt mức trần có thể dẫn đến phần vượt quá không được công nhận hoặc thậm chí toàn bộ điều khoản bị tuyên vô hiệu, khiến doanh nghiệp mất căn cứ yêu cầu xử lý.
- **Dự liệu tình huống bất khả kháng và giới hạn trách nhiệm:** Cần đưa vào hợp đồng điều khoản xác định cụ thể thế nào là “sự kiện bất khả kháng” và hệ quả pháp lý đi kèm (miễn trừ nghĩa vụ, hoãn thực hiện...). Điều này giúp giảm rủi ro khi xảy ra biến động khách quan ngoài tầm kiểm soát.
- **Duy trì khả năng chứng minh thiệt hại thực tế:** Trong mọi trường hợp yêu cầu bồi thường, bên bị vi phạm cần chuẩn bị và lưu giữ đầy đủ bằng chứng chứng minh tổn thất thực tế (hóa đơn, chứng từ, thiệt hại cơ hội...).
- **Thể hiện rõ thiện chí trong quá trình xử lý tranh chấp:** Việc ưu tiên các biện pháp mang tính hỗ trợ (như sửa chữa, tiếp tục thực hiện hợp đồng) khi còn cơ hội khắc phục vi phạm sẽ giúp duy trì mối quan hệ kinh doanh và tránh phát sinh tranh chấp lớn hơn.
- **Linh hoạt áp dụng kết hợp các biện pháp xử lý:** Doanh nghiệp không nhất thiết phải chọn một biện pháp duy nhất, mà có thể áp dụng đồng thời (nếu pháp luật cho phép), ví dụ: vừa yêu cầu phạt vi phạm, vừa bồi thường thiệt hại.



Kết Luận: Chủ Động Pháp Lý – Nền tảng bảo vệ doanh nghiệp trong hợp đồng

Trong môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, việc xử lý hành vi không thực hiện đúng hợp đồng không chỉ là vấn đề pháp lý, mà còn là một mắt xích quan trọng trong chiến lược kiểm soát rủi ro và bảo vệ lợi ích doanh nghiệp. Các chế tài như phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, chấm dứt hợp đồng... chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được thiết kế đúng cách và áp dụng trên nền tảng pháp lý vững chắc.

Trang | 8

Để đạt được điều đó, doanh nghiệp cần:

- ✓ **Chủ động xây dựng điều khoản xử lý vi phạm ngay từ giai đoạn soạn thảo hợp đồng**, đảm bảo rõ ràng về điều kiện áp dụng, mức phạt, và hệ quả pháp lý;
- ✓ **Hiểu rõ giới hạn của pháp luật**, đặc biệt là sự phân biệt giữa các chế tài được áp dụng mặc nhiên và các chế tài bắt buộc phải có thỏa thuận;
- ✓ **Lường trước các trường hợp ngoại lệ**, như bất khả kháng, quyết định của cơ quan nhà nước hoặc lỗi từ phía bên bị thiệt hại, để hạn chế rủi ro bị miễn trừ trách nhiệm ngoài ý muốn;
- ✓ **Duy trì tính cẩn trọng và thiện chí trong quá trình thực hiện hợp đồng**, vì đây chính là yếu tố làm nền cho việc xử lý tranh chấp hiệu quả và giữ gìn mối quan hệ hợp tác dài lâu.

Một hợp đồng được thiết lập tốt không chỉ bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp trong những tình huống thuận lợi, mà còn đóng vai trò như “lá chắn pháp lý” khi rủi ro phát sinh. Để có được điều đó, sự chuẩn bị kỹ lưỡng, hiểu biết và vận dụng linh hoạt quy định pháp luật – chính là chìa khóa.

Khung pháp lý áp dụng

1. Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.
2. Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005.

SEN LAW hy vọng bài viết này sẽ là nguồn tham khảo hữu ích, giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các biện pháp xử lý hành vi không thực hiện đúng hợp đồng và chủ động xây dựng cơ chế bảo vệ quyền lợi của mình một cách hiệu quả, thực tiễn và đúng pháp luật.

 *Trao đổi thêm về nội dung bài viết và nhận tư vấn giải pháp phù hợp với tình huống cụ thể của Quý doanh nghiệp, vui lòng liên hệ:*

 luatsu@senlaw.vn |  senlaw.vn |  028 7307 3579

 **Theo dõi chúng tôi tại:**

<https://www.linkedin.com/company/senlawofficial> & <https://www.facebook.com/senlaw.vn>



SEN**LAW**

BUSINESS & DISPUTE RESOLUTION



Tel: 028 7307 3579



Email: luatsu@senlaw.vn
Website: www.senlaw.vn



Address: 1st Floor, 41-43 Tran Cao Van St.,
Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC